TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 318/2026/DS-ST
Ngày: 16-7-2026

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thúy Quyên**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Nhân

2. Bà Trần Vĩnh Hạnh

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Gia Hân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và ngày 16 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2025. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 840/2026/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2026, giữa

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP K2**; địa chỉ trụ sở: Số D, đường P, phường R, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Phương C. Có mặt

Bị đơn: Bà **Đào Thị Thúy A**, sinh năm 1995.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đào Quang P, sinh năm 1964 (chết), gồm:

2.1 Bà Nguyễn Thị Kim C1, sinh năm 1969.

2.2 Bà Đào Thị Thúy A, sinh năm 1995.

2.3 Ông Đào Phú C2, sinh năm 1990.

2.4 Bà Đào Thị Thúy H, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ thường trú: Khu vực Thới Bình A, phường Ô, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Đặng Văn B**, sinh năm 1987;

2/ Bà Trần Thị K, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: Số A, Khu V, phường Ô, thành phố Cần Thơ.

Bà Nguyễn Phương C, ông Đặng Văn B có mặt, các đương sự còn lại có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn khởi kiện trình bày và yêu cầu như sau: Bà Đào Thị Thúy A và ông Đào Quang P có ký với Ngân hàng TMCP K2 – PGD Ô Môn hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A867304-A867306/HĐTD-CC ngày 26/8/2019 để vay 30.000.000 đồng, mục đích mua bán nhỏ lẻ; thời gian vay 120 ngày kể từ ngày ký nhận nợ; lãi suất vay 16%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn kể từ thời điểm nợ chuyển quá hạn. Trong quá trình vay, bà Thúy A và ông P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Số tiền nợ tạm tính đến ngày 18/12/2025 như sau:

- Gốc: 16.750.530 đồng;
- Lãi trong hạn: 881.117 đồng;
- Lãi quá hạn: 24.427.407 đồng.

Đồng thời, tại phiên hòa giải ngày 18/12/2025 đại diện nguyên đơn có ý kiến bổ sung yêu cầu khởi kiện: Bà Đào Thị Thúy A và ông Đào Quang P trả tiền theo hợp đồng cầm cố đã ký. Trường hợp bà A, ông P không trả được hoặc trả không đủ hoặc đã trả cho ông Đặng Văn B, yêu cầu ông Đặng Văn B và bà Trần Thị K có trách nhiệm trả nợ thay gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phát sinh cho đến khi tất nợ. Trường hợp bà Đào Thị Thúy A và ông Đào Quang P, ông Đặng Văn B và bà Trần Thị K không trả được hoặc trả không đủ thì yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên phát mại tài sản xe máy biển số, biển số 65M1-2108, nhãn hiệu WAVES. Trường hợp tại thời điểm Thi hành án bà Đào Thị Thúy A và ông Đào Quang P không hợp tác giao tài sản cầm cố hoặc Cơ quan Thi hành án dân sự không xác minh được tài sản hoặc tài sản đã hư hỏng, thất thoát hoặc không còn giá trị sử dụng, hoặc đã phát mãi mà không thanh toán hết nợ thì yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản của ông Đặng Văn B và bà Trần Thị K là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AG 078743; số vào sổ H02158 do UBND quận Ô cấp ngày 21/8/2006; thửa 324; tờ bản đồ 07; diện tích 958m^2; mục đích sử dụng: Đất ở đô thị, đất trồng cây lâu năm; địa chỉ: Khu V, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ *(Nay là Khu vực T, phường Ô, thành phố Cần Thơ)*. Trường hợp đã phát mại tài sản mà trả không đủ số nợ thì ông Đặng Văn B và bà Trần Thị K có trách nhiệm tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A867304-A867306/HĐTD-CC ngày 26/8/2019 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Bị đơn bà Đào Thị Thúy A trình bày: Ngày 26/8/2019 bà vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần K2 số tiền 30.000.000 đồng. Đến thời hạn 06 tháng, bà đã thanh toán hết gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số

4867304-A867306/HĐTD-CC ngày 26/8/2019 nên hợp đồng đã chấm dứt. Bà đề nghị Toà án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với bà. Trường hợp Toà án cho rằng hợp đồng cầm cố vẫn còn nợ thì bà yêu cầu xem xét thời hiệu khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn B trình bày: Ông là cộng tác viên của Ngân hàng thương mại cổ phần K2. Ông có giới thiệu khách hàng Đào Thị Thúy A cho Ngân hàng vay với số tiền 30.000.000 đồng trong thời hạn 06 tháng. Ông xác định bà A đã thanh toán đủ 30.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi cho ông theo quy định. Ông trực tiếp thu tiền và đã nộp tiền đầy đủ cho Ngân hàng nên không đồng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, việc Ngân hàng tự mở tài khoản vay của ông tại Ngân hàng K2 để thực hiện giải ngân cho các hợp đồng tín dụng kiêm cầm cố tài sản của các khách hàng do ông làm cộng tác viên là không đúng vì ông không có vay tiền. Hơn nữa, việc ngân hàng giải ngân như trên là sai quy định của pháp luật ngân hàng, Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn thi hành. Ngân hàng cho khách hàng vay mà không nhập lên hệ thống quản lý thông tin tín dụng quốc gia là sai quy định. Việc Ngân hàng tự thu giữ các giấy tờ của cộng tác viên trong đó có sổ theo dõi thu nợ của ông đối với bà Thúy A là sai. Do đó, ông yêu cầu Ngân hàng có trách nhiệm cung cấp chứng minh vấn đề này. Đồng thời, ông B có đơn yêu cầu độc lập như sau: Không buộc ông Đặng Văn B thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A867304-A867306/HĐTD-CC ngày 26/8/2019 giữa Ngân hàng TMCP K2 với bà Đào Thị Thúy A, ông Đào Quang P do bị đơn đã thanh toán xong khoản nợ. Yêu cầu Tòa án xem xét áp dụng thời hiệu khởi kiện.

Tại phiên tòa ngày 10/7/2026, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến khởi kiện bổ sung về việc trường hợp bà Thúy A, ông P không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu ông Đặng Văn B thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với toàn bộ khoản nợ của bà A, ông P. Trường hợp ông B không thực hiện thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản của ông Đặng Văn B và bà Trần Thị K là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AG 078743; số vào sổ H02158 do UBND quận Ô cấp ngày 21/8/2006, thửa đất 324, tờ bản đồ 07, diện tích 958m^2.

Bị đơn bà Thúy A cho rằng đã thanh toán tiền gốc, tiền lãi hết cho ông Đặng Văn B nên không còn nợ Ngân hàng.

Ông Đặng Văn B giữ nguyên yêu cầu độc lập và xác định bà Thúy A đã nhận đủ tiền gốc, tiền lãi của hợp đồng cầm cố. Ông đã nộp tiền đủ cho Ngân hàng nhưng Ngân hàng tự cấn trừ số tiền bà Thúy A nộp vào các khoản nợ của các khách hàng khác không đóng tiền dẫn đến trên hệ thống bà Thúy A vẫn còn nợ tiền là sai.

Qua thủ tục hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa đến ngày 16/7/2026 để nguyên đơn bổ sung tài liệu chứng cứ liên quan việc thu, nộp tiền hàng ngày của cộng tác viên.

Tại phiên tòa ngày 16/7/2026, bị đơn bà Đào Thị Thúy A vắng mặt.

Nguyên đơn có ý kiến như sau: Nếu ông Đặng Văn B thừa nhận đã nhận đủ số tiền gốc, tiền lãi của bà Thúy A và đồng ý việc Ngân hàng TMCP K2 cấn trừ số tiền của ông vào ngày 30/9/2022 đối với khoản nợ của bà Thúy A thì Ngân hàng chỉ yêu cầu ông bảo lãnh thực hiện đối với số tiền 12.534.598 đồng *(gồm 881.117 đồng tiền lãi và 11.653.481 đồng tiền lãi quá hạn)*. Trường hợp, nếu ông B không thực hiện trả số tiền trên thì yêu cầu ông B giao tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất 324, tờ bản đồ 07 nêu trên để Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý thu hồi nợ.

Ông Đặng Văn B có ý kiến như sau: Bà Đào Thị Thúy A là khách hàng do ông giới thiệu. Quá trình vay bà Thúy A thanh toán đầy đủ tiền nợ của Hợp đồng cầm cố số A867304-A867306/HĐTD-CC ngày 26/8/2019 nên để giải quyết vụ án này, đảm bảo không liên quan đến nghĩa vụ của bà Thúy A thì ông đồng ý thay mặt bà A, ông P thanh toán cho Ngân hàng TMCP K2 số tiền 12.534.598 đồng. Trường hợp ông không thanh toán đúng, đủ số tiền nợ trên thì ông đồng ý giao thửa đất 324, tờ bản đồ 07, diện tích 958m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AG 078743; số vào sổ H02158 do UBND quận Ô cấp ngày 21/8/2006 đứng tên Đặng Văn B, Lê Thị K1 để cơ quan thi hành án xử lý thu hồi nợ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Tại phiên tòa Ngân hàng và ông B thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án, ông Đặng Văn B đồng ý cấn trừ số tiền 16.750.530 đồng nợ gốc của bà Đào Thị Thúy A đối với ông vào ngày 30/9/2022. Ông B đồng ý thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi theo hợp đồng cầm cố số A867304-A867306/HĐTD-CC ngày 26/8/2019 tính đến ngày 30/9/2022 là 12.534.598 đồng. Nhận thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện không trái quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông B trả cho ngân hàng số tiền 12.534.598 đồng. Do nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện đòi tiền lãi quá hạn kể từ ngày 01/10/2022 đến nay nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu về việc buộc bà Đào Thị Thúy A trả số tiền gốc 16.750.530 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Do ông B đồng ý thanh toán hết nợ cho Ngân hàng nên rút yêu cầu độc lập về việc: "Không buộc ông Đặng Văn B thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A867304-A867306/HĐTD-CC ngày 26/8/2019 giữa Ngân hàng TMCP K2 với bà Đào Thị Thúy A, ông Đào Quang P do bị đơn đã thanh toán xong khoản nợ. Yêu cầu Tòa án xem xét áp dụng thời hiệu khởi kiện" nên đề nghị đình chỉ yêu cầu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền theo hợp đồng tín dụng đã ký; bị đơn có địa chỉ tại phường Ô, thành phố Cần Thơ nên quan hệ pháp luật của vụ án là *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, ông Đào Quang P chết, Tòa án đưa những người thừa kế của ông P vào kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm: Nguyễn Thị Kim C1, Đào Thị Thúy H, Đào Phú C2, các đương sự này đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị K có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà Đào Thị Thúy A có mặt tại phiên tòa ngày 10/7/2026 nhưng khi Tòa án ngừng phiên tòa đến ngày 16/7/2026 thì bà Thúy A có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án này theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tòa án đã tống đạt cho nguyên đơn Thông báo số 814/TB-TA ngày 02/6/2026 về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đối chất số 815/2026/QĐST-DS ngày 02/6/2026 cho nguyên đơn nhưng nguyên đơn không đến theo thời gian đã ấn định.

[4] Đối với nội dung thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng tín dụng kiêm cầm cố số A867304-A867306/HĐTD-CC ngày 26/8/2019 giữa Ngân hàng TMCP K2 với bà Đào Thị Thúy A, ông Đào Quang P các bên giao kết là tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên có hiệu lực. Ông B thừa nhận đã nhận đủ tiền gốc, tiền lãi của bà Thúy A đã thanh toán cho hợp đồng cầm cố nêu trên. Tuy nhiên, việc nộp tiền hàng ngày của ông B với việc Ngân hàng K2 thu tiền, trừ vào số tiền nợ của các khách hàng do ông B làm cộng tác viên giới thiệu không trùng khớp nhau nên dẫn đến Hợp đồng số A867304-A867306/HĐTD-CC chưa thanh toán hết nợ. Đến ngày 30/9/2022 Ngân hàng đã cấn trừ số tiền 16.750.530 đồng nợ gốc của hợp đồng tín dụng trên vào nghĩa vụ của ông B, số tiền lãi trong hạn, quá hạn còn lại của hợp đồng là 12.534.598 đồng. Tại phiên tòa, ông Đặng Văn B đồng ý thanh toán cho Ngân hàng số tiền 12.534.598 đồng, không yêu cầu Ngân hàng hoàn trả số tiền 16.750.530 đồng trước đó. Đồng thời, Ngân hàng đồng ý với thỏa thuận này của ông B nên thống nhất chỉ yêu cầu trả số tiền 12.534.598 đồng. Rút lại yêu cầu khởi kiện đòi tiền lãi quá hạn của Hợp đồng số A867304-A867306/HĐTD-CC kể từ ngày 01/10/2022 đến nay.

[5] Đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP K2 được quyền yêu cầu xử lý tài sản của ông Đặng Văn B và bà Trần Thị K là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AG 078743; số vào sổ H02158 do UBND quận Ô cấp ngày 21/8/2006, thửa đất 324, tờ bản đồ 07, diện tích 958m^2. Hội đồng xét xử thấy rằng, đây là ý kiến của Ngân hàng mà Ngân hàng chưa thực hiện nộp đơn khởi kiện bổ sung, chưa nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định. Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông Đặng Văn B đồng ý, nếu ông không thanh toán số tiền nợ còn lại 12.534.598 đồng của Hợp đồng số A867304-A867306/HĐTD-CC ngày 26/8/2019 thì ông đồng ý giao tài sản là thửa đất 324, tờ bản đồ 07, diện tích 958m^2, Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AG 078743; số vào sổ: H02158 do UBND quận Ô cấp ngày 21/8/2006 đứng tên Đặng Văn B, Lê Thị K1 để cơ quan thi hành án xử lý thu hồi nợ. Sự thỏa thuận giữa nguyên đơn với ông B tại phiên tòa hôm nay về số tiền 12.534.598 đồng ông B phải trả là không

tách rời với nội dung yêu cầu ông B giao tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Thỏa thuận này là không trái quy định pháp luật nên ghi nhận.

[6] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Đặng Văn B tự nguyện thực hiện nghĩa vụ thay cho bị đơn Đào Thị Thúy A nên ông phải chịu án phí đối với số tiền trả thay này và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí yêu cầu độc lập đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ghi nhận sự thỏa thuận của của Ngân hàng TMCP K2 và ông Đặng Văn B như sau:

- Ông B đồng ý việc Ngân hàng TMCP K2 cấn trừ số tiền 16.750.530 đồng nợ gốc của bà Đào Thị Thúy A đối với ông vào ngày 30/9/2022. Ông B đồng ý thay mặt bà Đào Thị Thúy A trả cho Ngân hàng TMCP K2 tiền lãi còn nợ của Hợp đồng cầm cố số A867304-A867306/HĐTD-CC ngày 26/8/2019 tính đến ngày 30/9/2022, số tiền 12.367.976 đồng.

- Trường hợp ông B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ số tiền 12.367.976 đồng nêu trên thì ông B đồng ý giao tài sản là thửa đất 324, tờ bản đồ 07, diện tích 958m^2, Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AG 078743; số vào sổ: H02158 do UBND quận Ô cấp ngày 21/8/2006 đứng tên Đặng Văn B, Lê Thị K1 để cơ quan thi hành án xử lý kê biên thu hồi nợ.

- Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông B chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu tiền lãi chậm trả đối với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Đào Thị Thúy A trả số tiền gốc 16.750.530 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

3. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Đặng Văn B về việc: "Không buộc ông Đặng Văn B thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A867304-A867306/HĐTD-CC ngày 26/8/2019 giữa Ngân hàng TMCP K2 với bà Đào Thị Thúy A, ông Đào Quang P do bị đơn đã thanh toán xong khoản nợ. Yêu cầu Tòa án xem xét áp dụng thời hiệu khởi kiện".

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn được nhận lại 727.962 đồng, tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0000877 ngày 21/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Ông Đặng Văn B phải chịu 618.399 đồng, khấu trừ số tiền 300.000 đồng biên lai số 0011705 ngày 10/6/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí. Ông B phải nộp thêm 318.399 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TPCT;
- VKSND KV2 - CT;
- THADS KV3-CT;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thúy Quyên